

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 09 - 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc
2. Ông Bùi Huy Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1978 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Thôn V, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lê Thị V (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2019 đến nay; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

2. Bùi Tiến D, sinh năm 1980 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKKHKT: Khu 2, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Thôn C, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Vy Thị K và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án số 664 ngày 25/4/2003 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối

cao xử phạt Bùi Tiến D 07 năm tù về tội Cướp tài sản, ngày 06/12/2014 D đã chấp hành xong bản án, đã được đương nhiên xóa án tích; bản án số 08/2015/HSST ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Bùi Tiến D 20 tháng tù về tội Đánh bạc, ngày 20/4/2016 D đã chấp hành xong bản án, đã được đương nhiên xóa án tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2019 đến nay; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Vy Thị K, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu 1, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. Trương Thị K, sinh năm 1982; địa chỉ: Quán G, thôn Thượng 1, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

4. Bế Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu C, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Hoàng Văn P, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Nguyễn Việt C, sinh năm 1977; địa chỉ: Quán G, thôn T, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. Nguyễn Hải Y, sinh năm 2000; địa chỉ: Quán G, thôn T, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

** Người chứng kiến:*

1. Đặng Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Nguyễn Thu T, sinh năm 1968; địa chỉ: Cảng tin T, Công an tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo lời khai của Nguyễn Minh Đ: Khoảng tháng 6/2016, Đ lái xe Container đỗ ở bãi xe thuộc khu vực huyện T, tỉnh Cao Bằng; tại đây Đ nhặt được một phong bì bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đồng, Đ cầm lên xe ô tô kiểm tra thì thấy bên trong có tổng cộng 24 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng =

12.000.000đồng, Đ thấy các tờ tiền có số seri trùng nhau và màu sắc nhạt nên Đ biết đó là tiền giả. Quá trình kiểm tra thấy có 01 tờ tiền giả bị bong lớp nilon màu trắng trên mặt tờ tiền nên Đ xé vứt đi. Trong khoảng thời gian sau đó Đ có đi hát Karaoke, Đ cho một nhân viên của quán hát 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng, số tiền giả còn lại là 11.000.000đồng Đ không giám tiêu mà đem về nhà cất giấu.

2. Khoảng cuối tháng 6/2019, Đ cùng với nhóm bạn gồm Bùi Tiến D, Hoàng Văn P, Nguyễn Huy C và một người tên là H rủ nhau đi uống bia ở một quán tại xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi đi Đ đem theo 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng mà Đ đã cất giấu từ trước. Trong lúc ngồi uống bia thấy D nói chuyện không có tiền nên Đ lấy 02 tờ tiền giả đưa cho D. Sau khi uống bia mọi người rủ nhau đi hát Karaoke, Đ lái xe mô tô chở D đi, trên đường đi Đ nói cho D biết 02 tờ tiền mà Đ đưa cho D là tiền giả, tiêu được thì tiêu. Sau khi hát Karaoke, D về nhà mẹ đẻ ở phường Đ ngủ, sáng ngày hôm sau D đi về nhà ở xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. D khai trên đường về nhà D rẽ vào một quán xông hơi ở khu vực Bến T, huyện K, tỉnh Hải Dương xông hơi hết 400.000đồng, D lấy 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng của Đ đưa cho để thanh toán và được trả lại 100.000đồng tiền thật; khi về đến khu vực M, huyện L, tỉnh Bắc Giang, D rẽ vào một cây xăng mục đích để tiêu thụ tờ tiền giả còn lại, khi thanh toán thì nhân viên bán xăng phát hiện ra tiền giả nên D phải lấy tiền thật để trả, còn tờ tiền giả đó D cất vào người.

3. Thời gian sau đó Đ và D thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, Đ hỏi D đã tiêu được tiền giả mà Đ đưa cho chưa, D nói đã tiêu được một tờ, còn một tờ bị nhàu nát chưa tiêu được. Đ hỏi D ở khu vực nhà D có tiêu thụ được tiền giả không, D nói tiêu thụ được và bảo Đ còn tiền giả thì đem đến cho D tiêu thụ. Khoảng trưa ngày 05/7/2019 Đ một mình đi xe mô tô đem theo 10.000.000đồng tiền giả còn lại đến nhà D ở thôn C, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Tại bàn uống nước ngoài sân, D lấy tờ tiền giả chưa tiêu được đưa cho Đ, do tờ tiền giả đó bị nhàu nát nên Đ cầm xé vứt đi. Sau đó Đ và D rủ nhau đi tìm chỗ đánh bạc với mục đích để tiêu thụ tiền giả, do không tìm được chỗ đánh bạc nên Đ và D quay về nhà D. Tại nhà D, Đ lấy 10.000.000đồng tiền giả đưa cho D và nói khi nào tiêu hết thì trả cho Đ 3.000.000đồng tiền thật, D đồng ý và nhận số tiền giả mà Đ đưa cho cất lên nóc tủ trong phòng ngủ, sau đó Đ đi về nhà.

4. Buổi sáng ngày 06/7/2019, D một mình đi xe mô tô đem theo 10.000.000đồng tiền giả đến nhà Trương Quốc T ở địa chỉ thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh là bạn học cấp 3 với D từ trước. Tại đây D hỏi T có biết chỗ nào đánh bạc không, T nói ở trên tầng 2 nhà T có mấy người đang chơi bài. Theo D khai thì: Khi lên tầng 2 nhà T thấy có khoảng 7 - 8 người cả nam và nữ đang chơi xóc đĩa, D ngồi xuống chơi cùng, ban đầu D sử dụng tiền thật mệnh giá

200.000đồng để tránh bị nghi ngờ, được khoảng 1- 2 ván thì D lấy tiền giả mệnh giá 500.000đồng để chơi; quá trình chơi một số người phát hiện việc D sử dụng tiền giả nên yêu cầu D phải đổi lại tiền thật. Sau khi đổi trả tiền thật cho một số người, D không chơi nữa mà đi về; lúc đó D kiểm tra trong người có tất cả 11.000.000đồng, trong đó có 8.000.000đồng (16 tờ) tiền giả mệnh giá 500.000đồng, còn lại 3.000.000đồng là tiền mệnh giá 100.000đồng và 200.000đồng. Trên đường về D vào quán G ở thôn T, xã A, huyện S sử dụng dịch vụ xông hơi, mát xa hết 350.000đồng, D lấy 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng ra thanh toán và được chị Trương Thị K là nhân viên quán G trả lại 150.000đồng tiền thật, sau đó D đi về và trả nợ dọc đường. Buổi chiều cùng ngày D quay lại quán G tiếp tục sử dụng dịch vụ xông hơi, mát xa, D lấy tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng ra thanh toán thì chị Trương Thị K nghi ngờ là tiền giả, chị K báo cho anh Nguyễn Việt C là chủ quán ra giải quyết, C yêu cầu D lấy tiền thật ra thanh toán, do không còn tiền thật trong người nên D về nhà cất giấu 7.000.000đồng tiền giả còn lại lên nóc tủ; lúc này trong ví của D vẫn còn 02 tờ tiền thật mệnh giá 500.000đồng nhưng D không phân biệt được, D đã mượn 200.000đồng của anh Bế Văn D nhà ở khu C, thị trấn A, huyện S đem đến quán G để thanh toán.

5. Ngay sau khi D đi về, chị Trương Thị K đã đến Công an huyện Sơn Động trình báo sự việc và giao nộp 01 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000đồng, số seri: WM 17698314 là tờ tiền nghi là tiền giả mà D đưa cho trước đó. Công an huyện Sơn Động đã cử đồng chí Hoàng Văn Kiên là Đội trưởng Đội Cảnh sát hình sự đến quán G để xác minh, làm rõ sự việc. Khi D quay trở lại quán G, đồng chí Kiên đã yêu cầu D đi đến Công an huyện Sơn Động làm việc; quá trình làm việc D đã khai báo về số tiền giả cất giấu ở nhà, Công an huyện Sơn Động đưa D về nhà và D đã giao nộp: 02 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000đồng có số seri lần lượt là: SA 18772551 và BB 08546030; 14 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000đồng có số seri lần lượt là: 01 tờ số seri GL 17252242, 02 tờ có cùng số seri KN 18258530, 11 tờ có cùng số seri WM 17698314. Công an huyện Sơn Động tiến hành niêm phong toàn bộ số tiền mệnh giá 500.000đồng nêu trên nghi là tiền giả vào các phong bì thư. Sau đó Công an huyện Sơn Động chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Bắc Giang để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 10/7/2019 và ngày 11/7/2019 Bùi Tiến D và Nguyễn Minh Đ lần lượt đến Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú; Bùi Tiến D giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, 01 ví da, bên trong ví có 01 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Tiến D.

Về tờ tiền mệnh giá 500.000đồng mà Bùi Tiến D thanh toán trả chị Trương Thị K khi xông hơi lần thứ nhất, do không biết là tiền giả nên chị K đã đưa cho chị

Nguyễn Hải Y là nhân viên làm cùng ở quán G để đi mua hoa quả. Chị Y sử dụng tờ tiền này mua hoa quả của bà Nguyễn Thị H ở Khu 1, thị trấn A, huyện S. Ngày 22/7/2019 bà H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000đồng có số seri: WM 17698314 là tờ tiền do chị Y thanh toán khi mua hoa quả; cơ quan điều tra tiến hành niêm phong theo quy định. Sau đó chị Vy Thị K là vợ Bùi Tiến D đã chủ động bồi thường trả bà H số tiền 500.000đồng.

6. Tại bản Kết luận giám định số 1133/KL-PC09 ngày 12/7/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: 02 (Hai) tờ tiền Polime “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), gồm các mã số hiệu: SA 18772551, BB 08546030 **là tiền thật**; 15 (Mười lăm) tờ tiền Polime “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) gồm 12 ((Mười hai) tờ có cùng mã số hiệu WM 17698314, 02 (Hai) tờ có cùng mã số hiệu: KN 18258530, 01 (Một) tờ mã số hiệu GL 17252242 **là tiền giả**.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 1231/KL-PC09 ngày 29/7/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: 01 (Một) tờ tiền Polime “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) có mã số hiệu WM 17698314 **là tiền giả**.

7. Tại bản Cáo trạng số 48 /CT-VKS-P1 ngày 19 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Bùi Tiến D về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

8. Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động (được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử) phát biểu luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Bùi Tiến D phạm tội “Lưu hành tiền giả”; áp dụng khoản 2 và khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù, xử phạt Bùi Tiến D từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù, phạt tiền mỗi bị cáo từ 15 triệu – 20 triệu đồng để sung vào công quỹ Nhà nước; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu 16 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng, 01 chiếc ví da của Bùi Tiến D để tiêu hủy; tịch thu của Bùi Tiến D 01 chiếc điện thoại di động để sung công quỹ Nhà nước; truy thu của Bùi Tiến D số tiền 2.000.000đồng do tiêu thụ tiền giả mà có; trả lại Bùi Tiến D 1.000.000đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ), 01 thẻ căn cước công dân.

- Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Bùi Tiến D đều thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình

phạt là đúng người, đúng tội; các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định mức hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo được sớm trở về đoàn tụ với gia đình, làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Bùi Tiến D khai báo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và lời khai của những người làm chứng. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 6/2016, bị cáo Nguyễn Minh Đ nhặt được một phong bì bên trong có 12.000.000đồng tiền giả gồm 24 tờ mệnh giá 500.000đồng tại khu vực bãi xe ở huyện T, tỉnh Cao Bằng; mặc dù Đ biết rõ số tiền trên là tiền giả nhưng Đ không đem nộp và trình báo cơ quan có thẩm quyền, phát hiện thấy có 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng bị bong tróc nên Đ xé vứt đi, số tiền giả còn lại 11.500.000đồng Đ đã đem về nhà cất giấu với mục đích để tiêu thụ; sau đó Đ đã tiêu thụ 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng tại quán hát Karaoke, cho Bùi Tiến D 02 tờ tiền giả = 1.000.000đồng, chuyển giao cho D 20 tờ tiền giả = 10.000.000đồng để D tiêu thụ. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Minh Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội Lưu hành tiền giả, số tiền giả bị cáo lưu hành xác định được là 11.500.000đồng.

Bị cáo Bùi Tiến D được Nguyễn Minh Đ cho 1.000.000đồng tiền giả để chi tiêu, được Đ chuyển giao cho 10.000.000đồng tiền giả để tiêu thụ; khi nhận tiền từ Đ, D biết rõ toàn bộ số tiền 11.000.000đồng mà Đ đưa cho đều là tiền giả nhưng D vẫn tiếp nhận để tiêu thụ. D đã nhiều lần đem tiền giả đi tiêu thụ bằng cách sử dụng tiền giả để thanh toán dịch vụ xông hơi, mát xa, đổ xăng vào xe mô tô để được trả lại tiền thật, sử dụng tiền giả để đánh bạc nhằm đổi lấy tiền thật. Bằng các thủ đoạn đó D đã nhiều lần tiêu thụ được tiền giả, trong đó có 2.000.000đồng tiền giả tiêu thụ ở bàn bạc không thu hồi được. Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Tiến D đã đủ yếu tố cấu thành tội Lưu hành tiền giả.

[2] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Nhà nước, tác động rất xấu đến thị trường tiền tệ và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; động cơ, mục đích phạm tội nhằm thu lợi bất chính. Căn cứ vào số lượng tiền giả các bị cáo lưu hành, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Bùi Tiến D

về tội Lưu hành tiền giả theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy: Nguyễn Minh Đ là người trực tiếp phát hiện, cất giấu tiền giả sau đó chuyển giao cho Bùi Tiến D để tiêu thụ, Đ cũng định hướng cho D cần tìm đến các bàn bạc sẽ dễ dàng tiêu thụ tiền giả hơn nên Đ là người giữ vai trò chính. Bùi Tiến D là người thực hành tích cực, trực tiếp tiêu thụ tiền giả. Mặc dù Đ và D cùng thống nhất thực hiện tội phạm, nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, tính toán tỷ mỉ, câu kết chặt chẽ nên không phải phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn. Nguyễn Minh Đ tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng theo Công an địa phương xác định thì Đ là đối tượng đã từng sử dụng ma túy đá; Bùi Tiến D là người có nhân thân xấu, năm 2003 D đã bị kết án 7 năm tù về tội Cướp tài sản, năm 2014 D lại bị kết án 20 tháng tù về tội Đánh bạc, mặc dù D đã chấp hành xong hai bản án và đương nhiên được xóa án tích nhưng D không thức tỉnh, tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội. Các bị cáo thực hiện nhiều hành vi tiêu thụ tiền giả nên đều phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện các bị cáo đều ra đầu thú nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bùi Tiến D còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ do bố đẻ là người có công với cách mạng (thương binh hạng A), người thân của D đã chủ động bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị H, những tình tiết trên được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, tác hại của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; cần phải quyết định hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục là đúng với chính sách xử lý của pháp luật hình sự Nhà nước ta; hình phạt giành cho các bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt, nhưng hình phạt giành cho bị cáo Đ phải cao hơn bị cáo D là phù hợp với vai trò của các bị cáo trong vụ án.

[4] Theo quy định tại khoản 5 Điều 207 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, hưởng lợi bất chính chưa đáng kể; để đảm bảo tính khả thi trong giai đoạn thi hành án, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Chị Trương Thị K, bà Nguyễn Thị H là những người bị thiệt hại do hành vi lưu hành tiền giả của Bùi Tiến D gây ra; bà H đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì nữa, chị K bị thiệt hại không đáng kể nên không yêu cầu bồi thường. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Số tiền giả thu giữ được gồm 16 tờ có mệnh giá 500.000đồng = 8.000.000đồng cần phải tịch thu để tiêu hủy.

Quá trình điều tra thu giữ của Bùi Tiến D số tiền 1.000.000đ (02 tờ mệnh giá 500.000đ), 01 ví da, 01 thẻ căn cước, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung. Xét thấy 01 ví da D sử dụng để đựng tiền giả nhưng không có giá trị nên cần tịch thu để tiêu hủy; 01 thẻ căn cước là giấy tờ tùy thân, số tiền 1.000.000đ không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho D; chiếc điện thoại di động D sử dụng làm phương tiện liên lạc với Nguyễn Minh Đ trong việc lưu hành tiền giả nên cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Theo Bùi Tiến D khai thì D sử dụng tiền giả để đánh bạc, D đã tiêu thụ được ở bàn bạc 2.000.000đồng tiền giả và thu về tương đương 2.000.000đồng tiền thật. Như vậy số tiền này D có được là do phạm tội lưu hành tiền giả mà có nên cần phải thu hồi để sung vào công quỹ Nhà nước. D còn tiêu thụ được 01 tờ 500.000đồng tiền giả ở quán xông hơi, mát xa tại khu vực Bến T, huyện K, tỉnh Hải Dương; 01 tờ 500.000đồng tiền giả tại quán xông hơi, mát xa G ở xã A, huyện S; trong những trường hợp này bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho những người bị thiệt hại nên không thu hồi để sung công quỹ Nhà nước.

Nguyễn Minh Đ còn sử dụng 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô làm phương tiện liên lạc và vận chuyển tiền giả đi tiêu thụ; Bùi Tiến D sử dụng 01 xe mô tô làm phương tiện để đi lại tiêu thụ tiền giả. Quá trình điều tra không thu giữ những vật chứng nêu trên, Tòa án đã yêu cầu thu giữ nhưng những vật chứng nêu trên không còn nữa, không thu giữ được nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Bùi Tiến D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Bùi Tiến D phạm tội “Lừa hành tiền giả”;

2- Áp dụng khoản 2 Điều 207, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 06 (Sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 11/7/2019);

2.2. Xử phạt bị cáo Bùi Tiến D 05 (Năm) năm 6 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 10/7/2019).

3- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu để tiêu hủy 16 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng, trong đó: 13 (Mười ba) tờ có cùng mã số hiệu WM 17698314, 02 (Hai) tờ có cùng mã số hiệu: KN 18258530, 01 (Một) tờ mã số hiệu GL 17252242.

- Tịch thu của Bùi Tiến D 01 ví da màu đen có chữ TOMA, phía dưới có chữ LEATHER để tiêu hủy.

- Tịch thu của Bùi Tiến D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung có đặc điểm như biên bản thu giữ để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Trả lại Bùi Tiến D 01 thẻ căn cước công dân số 022080003171 mang tên Bùi Tiến D và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng, nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

Những vật chứng nêu trên lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Thu hồi, buộc Bùi Tiến D phải giao nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn) do phạm tội mà có để sung vào công quỹ Nhà nước.

4- Áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Minh Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo Bùi Tiến D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt đều có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Dương sự
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Công an huyện SĐ
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái